

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KINH TẾ CỦA KHU DU LỊCH THIÊN CẨM Ở TỈNH HÀ TĨNH

Trương Thị Cẩm Anh^{1*}, Nguyễn Viết Đăng²

¹Học viên cao học, Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

²Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email*: nguyenvietdang@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 17.12.2015

Ngày chấp nhận: 18.03.2016

TÓM TẮT

Xác định giá trị kinh tế của tài nguyên được xem là một trong những công cụ quan trọng cho hoạch định chính sách, thiết lập cơ chế cũng như đưa ra các biện pháp quản lý hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên. Phương pháp chi phí du lịch (TCM) được áp dụng để xây dựng đường cầu và ước lượng giá trị kinh tế của khu du lịch Thiên Cẩm. Kết quả ước lượng giá trị kinh tế của khu du lịch (KDL) Thiên Cẩm bằng phương pháp TCM với mô hình ước lượng chi phí du lịch theo vùng (ZTCM) cho thấy giá trị kinh tế của khu du lịch Thiên Cẩm năm 2013 là 7.993,7 tỷ đồng. Như vậy, giá trị kinh tế của khu du lịch Thiên Cẩm so với doanh thu du lịch của Thiên Cẩm năm 2013 là 115,3 tỷ đồng là chưa tương xứng. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số giải pháp đã được đề xuất nhằm tăng thu nhập và nâng cao giá trị kinh tế của khu du lịch Thiên Cẩm.

Từ khoá: Chi phí du lịch, du khách, khu du lịch, Thiên Cẩm, xác định giá trị kinh tế.

Economic Valuation of Thien Cam Beach in Ha Tinh Province

ABSTRACT

Economic valuation of tourist area is considered as an important instrument for policy making, determining economic mechanisms, as well as identifying tools for effective and sustainable management of tourist resources. Travel cost method (TCM) was applied to estimate demand schedule and economic value of Thien Cam tourist area. Findings show that economic value estimate of Thien Cam tourist area in 2013 was VND7,993.7 billion. This figure is much higher than the total turn-over of tourist service providers at Thien Cam tourist area of VND115.3 billion in 2013, indicating that economic potential of Thien Cam tourist area was underutilized. Based on these findings, the paper has proposed some measures to enhance income for tourist service providers and the economic value of Thien Cam tourist area.

Keywords: Economic valuation, Thien Cam Beach, tourist area, traveling cost.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bãi biển Thiên Cẩm cách thành phố Hà Tĩnh 20km được nhìn nhận là một trong những bãi biển có giá trị nổi bật và có khả năng thu hút khách du lịch nghỉ mát tắm biển cao của du lịch Bắc Trung Bộ và Bắc Bộ. Những năm gần đây, du lịch Thiên Cẩm ngày càng phát triển nhanh, lượng khách liên tục tăng, chất lượng phục vụ được nâng cao (năm 2013 là 156.000 lượt khách tăng gấp 1,6 lần so với năm 2011). Doanh thu du lịch cũng tăng nhanh, đạt 115,3 tỷ đồng năm 2013, bằng 194,3% so với năm

2011. Cơ sở hạ tầng đang được đầu tư xây dựng dần đáp ứng đủ nhu cầu của du khách (UBND huyện Cẩm Xuyên, 2013)

Tuy nhiên, phát triển du lịch ở Thiên Cẩm vẫn chưa được đầu tư hợp lý, cơ sở hạ tầng cũ, dịch vụ vui chơi giải trí còn nghèo nàn, không kích thích được khả năng chi tiêu của du khách, gây ra sự nhàm chán, mất dần sự hấp dẫn của Thiên Cẩm đối với du khách, rút ngắn thời gian lưu trú và khả năng quay lại Thiên Cẩm cũng giảm và làm cho giá trị kinh tế của KDL Thiên Cẩm giảm mạnh.

Bài viết này nhằm xác định giá trị kinh tế của KDL Thiên Cầm và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao giá trị kinh tế của KDL Thiên Cầm, góp phần thúc đẩy sự phát triển ngành kinh tế du lịch của tỉnh Hà Tĩnh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Thông tin thứ cấp chủ yếu được thu thập tại Chi cục Thống kê và phòng Văn hóa, Thể thao và Du lịch huyện Cẩm Xuyên. Thông tin sơ cấp được thu thập bằng việc phỏng vấn 120 du khách. Du khách được lựa chọn ngẫu nhiên tại bãi biển được phỏng vấn trực tiếp hoặc gửi phiếu tại nhà nghỉ và khách sạn. Đối tượng phỏng vấn là khách du lịch trong nước.

Bảng câu hỏi được thiết kế với 4 nội dung chính: thông tin cá nhân của du khách, thông tin về đặc điểm nhân khẩu học của du khách, thông tin về chi phí du lịch, thông tin về kinh nghiệm du lịch của du khách tại KDL Thiên Cầm.

2.2. Phương pháp chi phí du lịch

Phương pháp chi phí du lịch (Travel Cost Method – TCM) được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu, phương pháp TCM dựa trên sự thể hiện, sự xác định thông qua quan sát hành vi ứng xử của con người (chủ yếu là dựa vào chi phí, thông qua các chi phí cho giá trị đi lại du lịch), từ đó được sử dụng để tìm ra đường cầu và ước lượng giá trị của tài nguyên du lịch. Phương pháp ZTCM được sử dụng phổ biến hơn ở các nước trên thế giới, bởi phương pháp này đơn giản và ít tốn kém. Từ những nguyên nhân trên,

trong phạm vi nghiên cứu đề tài chọn phương pháp ZTCM để xác định giá trị kinh tế của KDL Thiên Cầm.

Phương pháp ZTCM được thực hiện theo các bước sau: (1) Phân chia khu vực điều tra, nghiên cứu; (2) Lựa chọn khách điều tra và các thông tin cần thiết; (3) Xác định tỉ lệ mẫu điều tra thích hợp (khách du lịch) cho mỗi vùng; (4) Tính chi phí cho mỗi vùng; (5) Sử dụng hồi quy tuyến tính tìm đường cầu về số lần tham quan, du lịch cho khu vực nghiên cứu; (6) Xây dựng đường cầu du lịch; (7) Sử dụng TCM để xác định giá trị kinh tế và ước tính lợi ích của việc cải thiện chất lượng tài nguyên môi trường khu vực tham quan giải trí.

Phân vùng xuất phát của du khách

Vùng du lịch cơ bản được phân chia dựa trên sự tăng dần về khoảng cách từ những nơi có du khách tới thăm điểm du lịch đến địa điểm du lịch. Trên thực tế, du khách không chỉ xuất phát từ các tỉnh, thành phố ở bảng 1 mà còn ở một số tỉnh thành khác. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy du khách tới khu du lịch Thiên Cầm chủ yếu từ 13 các tỉnh, thành phố phía Bắc và được phân chia thành 6 vùng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tỷ lệ du khách mỗi vùng

Tỷ lệ du khách (Visitation Rate – VR) được tính bằng cách chia tổng số lượt du khách tới thăm điểm du lịch hàng năm của mỗi vùng chia cho tổng dân số của các tỉnh, thành phố nằm trong cùng một vùng. Tỷ lệ du khách tại Thiên Cầm năm 2013 được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 1. Phân vùng xuất phát của du khách đến KDL Thiên Cầm trong mẫu điều tra

Vùng xuất phát	Khoảng cách (Km)	Địa phương	Số lượng (Người)	Cơ cấu (%)
1	0 - 100	Hà Tĩnh, TP Vinh (Nghệ An)	33	27,5
2	100 - 300	Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình	18	15
3	300 - 350	Nam Định, Hà Nam, Thái Bình,	17	14,17
4	350 - 400	Hưng Yên, Hà Nội	29	24,17
5	400 - 500	Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương	16	13,33
6	> 500	Vùng khác	7	5,83
Tổng	-	-	120	100

Nguồn: Tính toán của các tác giả

Bảng 2. Tỷ lệ du khách theo vùng đến KDL Thiên Cầm

Vùng	Lượt khách trung bình/ năm (*)	Tổng dân số vùng (1.000 người) (**)	Tỷ lệ (%)
1	42.900	4182,5	10,26
2	23.400	4342,5	5,39
3	22.100	4405,2	5,02
4	37.700	7989,7	4,72
5	20.800	4703,5	4,42
6	9.100	2180	4,17

Nguồn: (*) Tính toán từ điều tra mẫu; (**) Tổng Cục Thống kê, 2014

Kết quả phân tích bảng 2 cho thấy khoảng cách từ vùng du lịch của du khách càng ngắn thì tỷ lệ dân cư của vùng tới thăm điểm du lịch càng cao. Ở vùng 1 có tỷ lệ tham quan cao nhất và gấp 2,5 lần so với vùng 6, từ vùng 2 đến 6, tỷ lệ du khách càng giảm dần. Điều này chứng tỏ khoảng cách đã ảnh hưởng tới lượng du khách theo vùng tại KDL Thiên Cầm.

3.2. Ước lượng chi phí du lịch

Với mỗi một du khách đến với KDL Thiên Cầm, chi phí cho một chuyến đi bao gồm: chi phí đi lại, chi phí thời gian, chi phí ăn ở, và một số chi phí khác như chi phí mua đồ lưu niệm, vui chơi giải trí...

Chi phí đi lại: Chi phí đi lại là khoản tiền mà du khách phải chi trả cho việc sử dụng các loại phương tiện vận tải khác nhau để đến điểm du lịch. Việc sử dụng phương tiện đi lại thường phụ thuộc vào khoảng cách từ điểm xuất phát đến điểm du lịch. Ví dụ: vùng 1 gần với KDL Thiên Cầm, phương tiện chủ yếu sử dụng là xe

máy hoặc xe ô tô riêng, còn các vùng còn lại ở xa, du khách hay đi theo đoàn nên phương tiện chính là ô tô hợp đồng hoặc ô tô khách. Một số du khách đi theo đoàn trong chuyến đi không chỉ đi đến Thiên Cầm mà còn đến một số địa điểm khác như Cửa Lò hoặc Ngã Ba Đồng Lộc như vậy rất khó để tách được chi phí đi lại, vì vậy, tác giả dựa vào hợp đồng thuê xe của các công ty du lịch theo tour đến trực tiếp Thiên Cầm để định giá chi phí đi lại của các du khách vùng 3,4,5,6. Do đó, tùy vào khoảng cách của vùng và phương tiện vận chuyển được chọn mà mỗi du khách có chi phí đi lại khác nhau. Việc tính toán chi phí đi lại theo vùng được áp dụng, kết quả như trình bày trong bảng 4. Chi phí cơ hội của thời gian:

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD, du khách có thể nhận được giá trị thỏa dụng hoặc không thỏa dụng khi dành thời gian tham quan một điểm du lịch, nên Cesario cho rằng chi phí cơ hội của thời gian đó nằm trong khoảng 1/4 đến 1/2 tiền lương thực tế.

Bảng 4. Chi phí đi lại của du khách đến KDL Thiên Cầm

Vùng	Tổng chi phí đi lại (đồng)	Số du khách (người)	Chi phí đi lại BQ (đồng/người)
1	2.429.000	33	73.600
2	7.640.000	18	424.000
3	9.360.000	17	550.500
4	17.750.000	29	612.000
5	10.550.000	16	660.000
6	6.400.000	7	914.000

Nguồn: Tính toán của các tác giả

Nghiên cứu chi phí cơ hội của thời gian được tính dựa trên mức thu nhập bình quân đầu người của đối tượng được phỏng vấn là 6.500.000 đồng/người/tháng hay 217.000 đồng/ngày. Giả định, trên thị trường không có thất nghiệp và không có sự can thiệp của chính phủ về mức tiền lương tối thiểu, sử dụng mức tiền lương cận biên để tính chi phí cơ hội của thời gian và mức lương sử dụng trong nghiên cứu là 1 ngày lương thực tế.

Giả sử tất cả các du khách đến KDL Thiên Cầm đều có thu nhập như nhau ở tất cả các vùng và thu nhập bằng 217.000 đồng. Tuy nhiên, ở mỗi vùng khác nhau thì chi phí cơ hội sẽ khác nhau, vì vùng 1 đa số du khách đi trong ngày nên chỉ tính 1 ngày lương, còn du khách từ các vùng khác thường ở lại từ 2 – 4 ngày. Giả sử, thời gian lưu trú bình quân của du khách là 3 ngày cho du khách đến từ vùng 2 – 6, kết quả ước lượng chi phí cơ hội của thời gian của du khách đến KDL Thiên Cầm được trình bày ở Bảng 5.

Bảng 5. Chi phí cơ hội của thời gian của du khách đến KDL Thiên Cầm

Vùng	Số ngày	Chi phí cơ hội của thời gian (đồng)
1	1	217.000
2 - 6	3	651.000

Nguồn: Từ kết quả tính toán của tác giả

Chi phí ăn uống và nghỉ ngơi: Đây là khoản chi phí đáng kể của du khách khi tới bất kỳ một khu du lịch nào. Chi phí ăn ở của du khách tùy thuộc vào mức thu nhập, thời gian lưu trú, cơ sở lưu trú và một số hoạt động khác của du khách tại khu du lịch.

Một số chi phí khác: Ngoài những chi phí trên, còn một số chi phí khác như chi phí vui chơi giải trí, chi phí mua quà lưu niệm, một số chi khác. Tùy theo thu nhập và sở thích của từng du khách mà chi phí này dao động khác nhau.

Tổng chi phí du lịch: Tổng chi phí du lịch là toàn bộ chi phí cho cả chuyến du lịch của du khách bao gồm chi phí đi lại, chi phí cơ hội của

Bảng 6. Chi phí ăn uống và nghỉ ngơi của du khách tại KDL Thiên Cầm

Vùng	Tổng chi phí ăn uống và nghỉ ngơi (đồng)	Số du khách (người)	Chi phí ăn uống và nghỉ ngơi BQ (đồng/người)
1	18.048.000	33	547.000
2	27.423.000	18	1.523.500
3	37.052.500	17	2.180.000
4	63.940.000	29	2.205.000
5	37.465.000	16	2.341.500
6	15.030.000	7	2.147.000

Nguồn: Tính toán của các tác giả

Bảng 7. Chi phí khác của du khách tại KDL Thiên Cầm (ĐVT: Đồng)

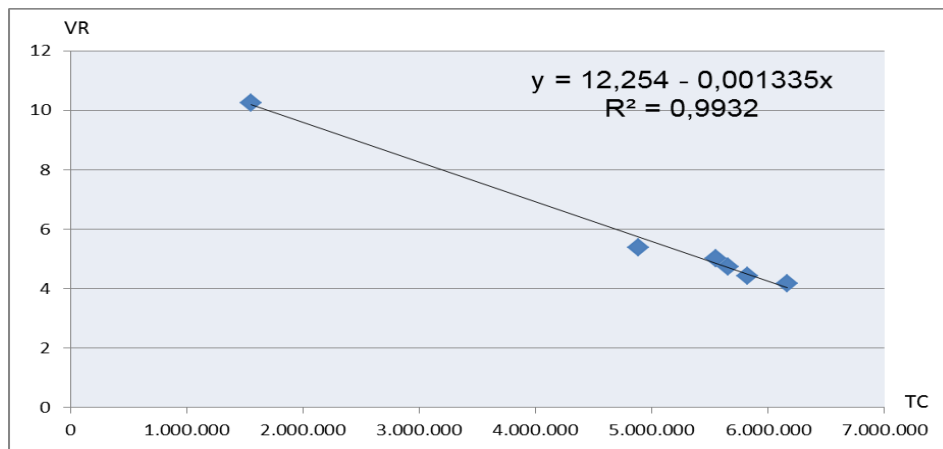
Vùng	Chi phí vui chơi giải trí	Chi phí mua đồ lưu niệm	Chi phí khác	Tổng các chi phí khác
1	423.000	257.600	32.000	712.600
2	861.000	1.153.000	272.000	2.286.000
3	782.000	1.321.000	65.000	2.168.000
4	720.000	1.300.000	171.000	2.191.000
5	625.000	1.073.000	469.000	2.167.000
6	607.000	1.457.000	386.000	2.450.000

Nguồn: Tính toán của các tác giả

Bảng 8. Tổng hợp chi phí du lịch của du khách đến KDL Thiên Cẩm (ĐVT: Đồng)

Vùng	Chi phí đi lại	Chi phí cơ hội của thời gian	Chi phí ăn uống - nghỉ ngơi	Chi phí khác	Tổng
1	73.600	217.000	547.000	712.600	1.550.200
2	424.000	651.000	1.523.500	2.286.000	4.884.500
3	550.500	651.000	2.180.000	2.168.000	5.549.500
4	612.000	651.000	2.205.000	2.191.000	5.659.000
5	660.000	651.000	2.341.500	2.167.000	5.819.500
6	914.000	651.000	2.147.000	2.450.000	6.162.000

Nguồn: Tính toán của các tác giả



Đồ thị 1. Đường cầu du lịch của KDL Thiên Cẩm

thời gian, chi phí ăn uống - nghỉ ngơi, chi phí vui chơi giải trí, mua sắm đồ lưu niệm và một số chi phí khác. Kết quả tổng hợp mức chi phí trung bình của du khách theo vùng đến KDL Thiên Cẩm được thể hiện qua Bảng 8.

Như vậy, có thể thấy rằng tổng chi phí du lịch của các du khách có sự khác biệt rõ rệt giữa các vùng và tỷ lệ thuận với khoảng cách. Du khách ở vùng 6 có chi phí du lịch cao nhất, bình quân là 6.162.000 đồng, gấp hơn 3 lần so với chi phí du lịch bình quân của du khách ở vùng 1.

3.3. Ước lượng hàm cầu du lịch

Hàm cầu du lịch là hàm số thể hiện mối quan hệ giữa tỷ lệ du khách mỗi vùng (VR) với tổng chi phí du lịch (TC).

Giả định mối quan hệ giữa tỷ lệ du khách và tổng chi phí du lịch của mỗi vùng có quan hệ tuyến tính với nhau, trong đó VR là biến phụ

thuộc còn TC là biến độc lập. Mô hình hồi quy được sử dụng để ước lượng mối quan hệ này là:

$$VR_i = \alpha + \beta.TC_i$$

Dựa trên hàm hồi quy tuyến tính thể hiện mối quan hệ giữa lượng khách du lịch và tổng chi phí du lịch, nghiên cứu đã tiến hành xây dựng đường cầu về du lịch cho KDL Thiên Cẩm như đồ thị 1.

Trong phương pháp ZTCM, phần diện tích dưới đường cầu phản ánh lợi ích nhận được của mỗi du khách, và để ước tính giá trị thặng dư của du khách đến Thiên Cẩm thuộc mỗi đối khác nhau. Giá trị này thường được coi là giá trị thặng dư của mỗi lần du lịch. Do vậy, từ số lượng khách đi du lịch trong năm của mỗi vùng, có thể ước tính được giá trị thặng dư của khách du lịch ở mỗi vùng.

Trong nghiên cứu này, kết quả tính toán xác định được tổng lợi ích mà du khách nhận

được là 8.774,02 tỷ đồng. Theo giả thuyết tổng lợi ích du khách nhận được là giá trị kinh tế của KDL Thiên Cầm, do vậy, giá trị kinh tế của KDL Thiên Cầm năm 2013 là 8.774,02 tỷ đồng. Giá trị này lớn hơn rất nhiều so với doanh thu của Thiên Cầm năm 2013 là 115,3 tỷ đồng. Điều này cho thấy doanh thu đạt được còn chưa tương xứng so với tiềm năng của khu du lịch. Việc đầu tư phát triển du lịch của Nhà nước ở Thiên Cầm là cấp thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thiên Cầm ngày càng khẳng định là một trong những bãi biển có giá trị nổi bật, thu hút được đông đảo du khách đến tham quan nghỉ mát. Năm 2013, KDL Thiên Cầm thu hút được 156.000 lượt khách. Doanh thu du lịch qua các năm cũng tăng nhanh. Kết quả ước lượng giá trị của KDL Thiên Cầm với mô hình ZTCM cho thấy tỷ lệ du khách tỷ lệ nghịch với khoảng cách đi lại, tức là khoảng cách càng xa thì số lượng khách du lịch càng giảm. Hơn nữa, khoảng cách cũng ảnh hưởng tới chi phí du lịch, đến số lần quay lại của du khách. Tổng hợp kết quả nghiên cứu cho thấy giá trị kinh tế của KDL Thiên Cầm năm 2013 là 8.477,02 tỷ đồng. Giá trị này lớn hơn rất nhiều so với doanh thu của Thiên Cầm năm 2013 là 115,3 tỷ đồng.

Để phát huy giá trị kinh tế của KDL Thiên Cầm và tăng thu nhập cho người lao động tham gia cung ứng các dịch vụ du lịch, các cơ quan chức năng, đặc biệt là Ban Quản lý KDL Thiên Cầm cần thực hiện một số khuyến nghị sau đây: (a) Tăng cường kết nối KDL Thiên Cầm với các tuyến du lịch của tỉnh Hà Tĩnh nhằm giảm chi phí đi lại của du khách như vậy sẽ tăng tỷ lệ du khách đến KDL; (b) Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch nhằm đáp ứng được nhu cầu của du

khách; (c) Đa dạng hóa các loại hình vui chơi giải trí nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách và kéo dài thời gian lưu trú của du khách nhằm làm tăng giá trị kinh tế cho KDL Thiên Cầm; (d) Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch nhằm tăng cường thu hút du khách và tăng giá trị của KDL. (e) Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu dịch vụ du lịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thế Chinh (2003). Giáo trình kinh tế và quản lý môi trường, Nhà xuất bản Thống kê.
- Trần Thị Thu Hà và Vũ Tấn Phương (2005). Đánh giá giá trị cảnh quan của vườn Quốc gia Ba Bể và khu du lịch hồ Thác Bà, Trung tâm NCS thái và Môi trường rừng - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam
- Nguyễn Thị Hải (2000). Xác định giá trị du lịch của Vịnh Hạ Long làm cơ sở hoạch định chính sách và bảo vệ môi trường khu vực, Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc Gia Hà Nội, <http://www.tainguyenso.vnu.edu.vn>
- Nguyễn Văn Song (2012). Các phương pháp nghiên cứu kinh tế tài nguyên và môi trường, Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp.
- UBND huyện Cẩm Xuyên, Báo cáo thực hiện kế hoạch nhà nước du lịch năm (2011, 2012, 2013) và thực hiện nhiệm vụ năm (2012, 2013, 2014).
- Camille Bann (1998). The Economic Valuation of Tropical Forest Land Use. Option: A Manual for Researchers, <http://www.eepsea.net>
- Iamtrakul Pawinee and Teknomo Kardi (2005). Public park valuation using travel cost method, Saga University, Japan.
- Tran Vo Hung Son and Pham Khanh Nam (2001). Recreational value of the Coral – surrounded Hon Mun islands in Vietnam, Faculty of development economics, University of Economics, 1 Bis Hoang Dieu street, Phu Nhuan district, HCM city, Viet Nam.